

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16-11-2021
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Dung và ông Thái Quang Định.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2021/TLST-HNGĐ ngày 02-8-2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐST - HNGĐ ngày 27-10-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Tổ 5, khu 4, phường V, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- *Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Tổ 5, khu 4, phường V, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/7/2021 và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T đều trình bày:

Tôi (Nguyễn Thị T) kết hôn tự nguyện với anh Nguyễn Mạnh C năm 1998, đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố Uông Bí. Sau khi kết hôn vợ chồng về tổ 5, khu 4, phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh chung sống. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không phù hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày. Anh C thường xuyên chửi mắng, xô xát với tôi, dẫn đến cuộc sống vợ chồng xảy ra bế tắc. Tôi đã thuê nhà ra ở riêng sống ly thân với anh C từ đầu năm 2021 cho đến nay. Quá trình sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai.

Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi (T) và anh C có 02 con chung là Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 23-11-1998 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thu T, sinh ngày 13-4-2009. Quan điểm của tôi khi ly hôn cháu T ở với bố. Tôi đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi cháu T là 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng).

Về tài sản chung và vay nợ chung: Tôi (T) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/8/2021, tại phiên hòa giải anh Nguyễn Mạnh C trình bày: Tôi (C) kết hôn với chị T năm 1998, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Tôi nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị T đã thuê nhà ra ở riêng không còn sống chung với tôi từ đầu năm 2021 cho đến nay tuy nhiên tôi không đồng ý ly hôn vì các con tôi còn nhỏ, cháu bé mới đang học lớp 7. Tôi mong vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Nếu bắt buộc phải ly hôn tôi (C) đồng ý với quan điểm về nuôi con chung và cấp dưỡng tiền nuôi con chung của chị Thủy.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Tôi (C) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 30/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - bà Lê Thị Ngọc A - Trưởng khu 4, phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cung cấp sự việc: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Mạnh C là công dân cư trú tại tổ 5, khu 4, phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và đã sống ly thân. Chị T và anh C có 02 con chung là Nguyễn Hồng Q (đã trưởng thành) và Nguyễn Thu T. Hiện tại các con chung đang ở với anh C. Nay, chị T đề nghị được ly hôn anh C bà Ngọc A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05-8-2021 của TAND thành phố Uông Bí đối với cháu Nguyễn Thu T thể hiện: Cháu T là con đẻ của anh Nguyễn Mạnh C và chị Nguyễn Thị T. Việc bố mẹ cháu T xảy ra mâu thuẫn đã từ lâu. Nếu bố mẹ cương quyết ly hôn thì nguyện vọng của cháu T thích ở với mẹ. Tuy nhiên, bố cháu nhận nuôi thì cháu cũng đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định tư cách những người tham gia tố

tụng, thu thập chứng cứ.....có căn cứ. Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: HĐXX và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung: Theo nguyện vọng của cháu T, chị T, anh C, đề nghị chấp nhận giao con chung là cháu T cho anh C nuôi dưỡng, chị T phải cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Mạnh C và cung cấp các tài liệu làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Bị đơn anh Nguyễn Mạnh C cư trú tại tổ 5, khu 4, phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh C đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh C là phù hợp với khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C kết hôn từ năm 1998 cho đến nay là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy, để cuộc sống vợ chồng hôn nhân tồn tại, mục đích hôn nhân đạt được thì phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của hai bên vợ chồng, tình cảm phải trên cơ sở tự nguyện từ hai phía, phải thương yêu, quý trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ và tin tưởng nhau cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, chị T và anh C phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Anh C cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng tuy nhiên anh C không đồng ý ly hôn vì theo anh C các con chung của chị T và anh C còn nhỏ tuy nhiên anh C cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Chị T và anh C đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Như vậy, tình trạng hôn

nhân giữa chị T, anh C đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng: Chị T và anh C có 02 con chung là Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 23-11-1998 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thu T, sinh ngày 13-4-2009. Quan điểm của chị T khi ly hôn cháu T ở với bố. Chị T đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi cháu T là 1.500.000đ/tháng. Anh C cũng đồng ý với quan điểm về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của chị T.

Như vậy, Hội đồng xét xử xem xét giao con chung Nguyễn Thu T, sinh ngày 13/4/2009 cho anh C được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng) cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi)

[3] Về tài sản chung và khoản vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Mạnh C.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thu T, sinh ngày 13-4-2009 cho anh Nguyễn Mạnh C trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 11 năm 2021 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng), thời điểm thực hiện từ tháng 11 năm 2021 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau ly hôn, đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đồng thời đương sự không trực tiếp nuôi

dưỡng con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu có yêu cầu, theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006663 ngày 02-8-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị T còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Nguyễn Mạnh C, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Uông Bí;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Uông Bí;
- UBND phường V, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (Nơi ĐKKH).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đồng

